

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 THÀNH PHỐ CAO BẰNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của HĐND thành phố Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		13	14	15	16
	TỔNG SỐ					469,736.570	82,994.138	120,252.869	104,109.869	20,358.452	54,121.799	54,121.799	0.000	2,402.094	
A	Ngân sách địa phương					445,711.229	82,994.138	98,961.070	98,961.070	16,071.552	39,750.000	39,750.000	0.000	2,402.094	
A1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước					74,917.201	30,445.420	28,900.730	28,900.730	6,685.000	17,750.000	17,750.000	0.000	0.000	
I	Tỉnh bố trí					0.000	0.000	210.000	210.000	0.000	150.000	150.000	0.000	0.000	
1	Vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					0.000	0.000	210.000	210.000	0.000	150.000	150.000	0.000	0.000	
*	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					0.000	0.000	210.000	210.000	0.000	150.000	150.000	0.000	0.000	
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại cụm dân cư Bản Nấm (xóm 4) xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Chu Trinh		2022 - 2024	2273/QĐ-UBND ngày 19/9/2022			210.000	210.000		150.000	150.000			
II	Thành phố bố trí					74,917.201	30,445.420	28,690.730	28,690.730	6,685.000	17,600.000	17,600.000	0.000	0.000	
1	Các hoạt động kinh tế					67,917.201	23,445.420	23,445.420	23,445.420	1,685.000	17,354.690	17,354.690	0.000	0.000	
*	Dự án chuyển tiếp														
1.1	Đồ án quy hoạch phân khu phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	phường Đề Thám		2022-2024	QĐ số 1857/QĐ-UBND ngày 30/8/2021; số 2525/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	4,442.730	4,442.730	4,442.730	4,442.730	1,685.000	2,757.730	2,757.730			Bố trí đủ vốn
1.2	Đồ án quy hoạch chi tiết Quần thể di tích chùa Viên Minh, đền Quan Triều, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/500	Xã Hưng Đạo		2022	QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	500.000	500.000	500.000	500.000	0.000	500.000	500.000			Năm 2022 điều chỉnh giảm, năm 2023 bố trí đủ vốn
1.3	Đường vào khu khai thác, chế biến vật liệu xây dựng tập trung của Thành phố Cao Bằng	TPCB		2021 - 2022	QĐ 2489/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	50,000.000	7,254.690	7,254.690	7,254.690		7,254.690	7,254.690			
*	Dự án khởi công mới														
1.4	Đồ án quy hoạch phân khu phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	phường Sông Hiến		2023-2025	QĐ số 1858/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	3,591.114	3,000.000	3,000.000	3,000.000		3,000.000	3,000.000			Bố trí đủ vốn

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
1.5	Đồ án quy hoạch phân khu phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, tỷ lệ 1/2000	phường Sông Bằng		2023-2025	QĐ số 1859/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	3,383.357	3,000.000	3,000.000	3,000.000		3,000.000	3,000.000			
1.6	Xây dựng hạ tầng và GPMB dự án khu du lịch sinh thái Hồ Sen, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2023 - 2025	QĐ số 1865/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	6,000.000	5,248.000	5,248.000	5,248.000		842.270	842.270			
2	Quốc phòng					7,000.000	7,000.000	5,245.310	5,245.310	5,000.000	245.310	245.310	0.000	0.000	
*	Dự án hoàn thành năm 2022														
2.1	Công trình diễn tập phòng thủ thành phố Cao Bằng (giai đoạn 2)	TPCB				7,000.000	7,000.000	5,245.310	5,245.310	5,000.000	245.310	245.310			Nguồn NSDP 245,310 triệu đồng, nguồn sử dụng đất 1.765,690 triệu đồng, bố trí đủ vốn
A2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					370,794.028	52,548.718	62,160.340	62,160.340	9,386.552	14,100.000	14,100.000	-	2,402.094	
I	Tính bố trí					-	-	200.000	200.000	-	200.000	200.000	-	-	
1	Vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					-	-	200.000	200.000	-	200.000	200.000	-	-	
1.1	Xây dựng đập giữ nước Kéo Tang xóm 5, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Chu Trinh						200.000	200.000		200.000	200.000			
II	Thành phố bố trí					370,794.028	52,548.718	61,960.340	61,960.340	9,386.552	13,900.000	13,900.000	-	2,402.094	
1	Trả nợ dự án ODA, nợ các công trình hoàn thành và bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án ODA					334,780.028	14,780.028	19,053.617	19,053.617	8,103.960	3,924.094	3,924.094	0.000	2,402.094	
1.1	Chương trình đô thị miền núi phía bắc thành phố Cao Bằng							8,752.150	8,752.150	4,160.066	1,522.000	1,522.000	-	-	
1.1.1	Gốc + lãi vay							8,752.150	8,752.150	4,160.066	1,522.000	1,522.000			
1.2	Kè bờ trái sông Hiến thành phố Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	4 Km	2018-2021	1539/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	320,000.000		5,345.000	5,345.000	2,000.000	1,200.000	1,200.000		1,200.000	
1.3	Cầu nối từ phường Hợp Giang với phường Hòa Chung thành phố Cao Bằng	phường Hợp Giang		2017-2020	QĐ số 1778 ngày 04/8/2017	5,014.825	5,014.825	702.094	702.094		702.094	702.094		702.094	Bố trí đủ vốn
1.4	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng thành Tuyến phố đi bộ	phường Hợp Giang			QĐ số 2848/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	9,765.203	9,765.203	4,254.373	4,254.373	1,943.894	500.000	500.000		500.000	
2	Hỗ trợ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương					-	-	27,874.833	27,874.833	-	4,965.695	4,965.695	-	-	
*	Các công trình hoàn thành năm 2022							5,000.000	5,000.000	0.000	345.695	345.695	0.000	0.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
2.1	Phường Sông Hiến	Phường Sông Hiến					2,500.000	2,500.000		160.471	160.471				
2.2	Phường Ngọc Xuân	Phường Ngọc Xuân					2,500.000	2,500.000		185.224	185.224				
*	Các công trình năm 2023				-	-	19,754.833	19,754.833	-	1,500.000	1,500.000	-	-		
2.3	Phường Hợp Giang	Phường Hợp Giang					2,254.833	2,254.833		100.000	100.000				
2.4	Phường Sông Hiến	Phường Sông Hiến					2,500.000	2,500.000		200.000	200.000				
2.5	Phường Ngọc Xuân	Phường Ngọc Xuân					2,500.000	2,500.000		200.000	200.000				
2.6	Phường Tân Giang	Phường Tân Giang					2,500.000	2,500.000		200.000	200.000				
2.7	Phường Đề Thám	Phường Đề Thám					2,500.000	2,500.000		200.000	200.000				
2.8	Phường Duyệt Trung	Phường Duyệt Trung					2,500.000	2,500.000		200.000	200.000				
2.9	Phường Sông Bằng	Phường Sông Bằng					2,500.000	2,500.000		200.000	200.000				
2.10	Phường Hoà Chung	Phường Hoà Chung					2,500.000	2,500.000		200.000	200.000				
*	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới				-	-	3,120.000	3,120.000	-	3,120.000	3,120.000	-	-	-	
2.11	Xã Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo					2,000.000	2,000.000		2,000.000	2,000.000				
2.12	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang					720.000	720.000		720.000	720.000				
2.13	Xã Chu Trinh	Xã Chu Trinh					400.000	400.000		400.000	400.000				
3	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					28,514.000	28,514.000	5,500.000	5,500.000	-	1,360.000	1,360.000	-	-	
*	Dự án chuyển tiếp														
3.1	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2022 - 2024	2011/QĐ-UBND ngày 27/10/2021	10,547.000	10,547.000	1,000.000	1,000.000	0.000	1,000.000	1,000.000			
*	Dự án khởi công mới														
3.2	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng	Phường Đề Thám		2022 - 2024	2199/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14,467.000	14,467.000	1,000.000	1,000.000		200.000	200.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
3.3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Phường Hợp Giang		2022 - 2024		3,500.000	3,500.000	3,500.000	3,500.000	0.000	160.000	160.000			
4	Các hoạt động kinh tế					3,000.000	3,000.000	3,000.000	3,000.000	-	750.000	750.000	-	-	
*	Dự án chuyển tiếp														
4.1	GPMB "xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông" tại khu vực lý trình Km272+700 - Đường Quốc lộ 3 thuộc địa phận thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	TPCB		2020 - 2022	QĐ số 2875/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	3,000.000	3,000.000	3,000.000	3,000.000	0.000	750.000	750.000			
5	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					4,500.000	4,500.000	4,500.000	4,500.000	1,282.592	868.321	868.321	-	-	
	Dự án chuyển tiếp														
5.1	Mầm non 3/10, thành phố Cao Bằng. Hạng mục: Nhà 04 lớp học	Phường Hợp Giang		2022 - 2024	QĐ số 851/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	4,500.000	4,500.000	4,500.000	4,500.000	1,282.592	868.321	868.321			
6	Quốc phòng					-	1,754.690	1,754.690	1,754.690	-	1,754.690	1,754.690	-	-	
	Dự án hoàn thành năm 2022														
1	Công trình diễn tập phòng thủ thành phố Cao Bằng (giai đoạn 2)	TPCB					1,754.690	1,754.690	1,754.690		1,754.690	1,754.690			Bổ trí đủ vốn
7	Vốn đối ứng ngân sách thành phố thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					-	-	277.200	277.200	-	277.200	277.200	-	-	
7.1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại cụm dân cư Bản Nấm (xóm 4) xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Chu Trinh						90.000	90.000		90.000	90.000			
7.2	Trạm y tế xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vĩnh Quang						60.300	60.300		60.300	60.300			
7.3	Xây dựng nhà văn hóa xóm 2, sân thể thao xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vĩnh Quang						126.900	126.900		126.900	126.900			
A3	Nguồn tiết kiệm chi năm 2023					-	-	2,300.000	2,300.000	-	2,300.000	2,300.000	-	-	
I	Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá					-	-	2,300.000	2,300.000	-	2,300.000	2,300.000	-	-	
*	Xây dựng mới					-	-	1,500.000	1,500.000	-	1,500.000	1,500.000	-	-	
1	Xây dựng mới nhà văn hoá tổ 11, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 11, phường Tân Giang		2023 - 2024				250.000	250.000		250.000	250.000			
2	Xây dựng mới nhà văn hoá tổ 10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 10, phường Sông Bằng		2023 - 2024				250.000	250.000		250.000	250.000			
3	Xây dựng mới nhà văn hoá tổ 5, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 5, phường Sông Hiến		2023 - 2024				250.000	250.000		250.000	250.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
4	Xây dựng mới nhà văn hoá tổ 3, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 3, phường Ngọc Xuân		2023 - 2024			250.000	250.000		250.000	250.000				
5	Xây dựng mới nhà văn hoá tổ 5, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 5, phường Ngọc Xuân		2023 - 2024			250.000	250.000		250.000	250.000				
6	Xây dựng mới nhà văn hoá tổ 6, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 06, phường Hoà Chung		2023 - 2024			250.000	250.000		250.000	250.000				
*	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá diện tích từ 140m2 trở lên					-	-	625.000	625.000	-	625.000	625.000	-	-	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 3, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 3, phường Hợp Giang		2023 - 2024			125.000	125.000		125.000	125.000				
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 4, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 4, phường Hợp Giang		2023 - 2024			125.000	125.000		125.000	125.000				
3	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 12, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 12, phường Đề Thám		2023 - 2024			125.000	125.000		125.000	125.000				
4	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 10, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 10, phường Tân Giang		2023 - 2024			125.000	125.000		125.000	125.000				
5	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 4, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 4, phường Duyệt Trung		2023 - 2024			125.000	125.000		125.000	125.000				
*	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá diện tích từ 100m2 đến 139m2					-	-	100.000	100.000	-	100.000	100.000	-	-	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 6, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 6, phường Sông Bằng		2023 - 2024			100.000	100.000		100.000	100.000				
*	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá diện tích dưới 100m2					-	-	75.000	75.000	-	75.000	75.000	-	-	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 10, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 10, phường Sông Hiến		2023 - 2024			75.000	75.000		75.000	75.000				
A4	Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm nguồn thu sử dụng đất)					-	-	5,600.000	5,600.000	-	5,600.000	5,600.000	-	-	
I	Vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xóm, tổ dân phố					-	-	5,600.000	5,600.000	-	5,600.000	5,600.000	-	-	
1	Xây dựng mới diện tích từ 140m2 trở lên (mức hỗ trợ 250 triệu / 1 nhà)					-	-	250.000	250.000	-	250.000	250.000	-	-	
1.1	Xây dựng mới nhà văn hoá tổ 2, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 2, phường Ngọc Xuân	180m2	2023 - 2024			250.000	250.000		250.000	250.000				
2	Cải tạo, sửa chữa không thay đổi diện tích					-	-	1,825.000	1,825.000	-	1,825.000	1,825.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
*	Cải tạo, sửa chữa không mở rộng diện tích có diện tích từ 140m2 trở lên					-	-	1,000.000	1,000.000	-	1,000.000	1,000.000	-	-	
2.1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 8, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 8, phường Hợp Giang	185m2	2023 - 2024				125.000	125.000		125.000	125.000			
2.2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 15, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 15, phường Tân Giang	150m2	2023 - 2024				125.000	125.000		125.000	125.000			
2.3	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 4, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 4, phường Sông Hiến	152m2	2023 - 2024				125.000	125.000		125.000	125.000			
2.4	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 2, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 2, phường Đề Thám	170m2	2023 - 2024				125.000	125.000		125.000	125.000			
2.5	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 7, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 7, phường Đề Thám	221,1m2	2023 - 2024				125.000	125.000		125.000	125.000			
2.6	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 2, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 2, phường Hoà Chung	170m2	2023 - 2024				125.000	125.000		125.000	125.000			
2.7	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 3, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 3, phường Hoà Chung	300m2	2023 - 2024				125.000	125.000		125.000	125.000			
2.8	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 1, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 1, phường Duyệt Trung	202m2	2023 - 2024				125.000	125.000		125.000	125.000			
*	Cải tạo, sửa chữa không mở rộng diện tích từ 100m2 đến 139m2					-	-	600.000	600.000	-	600.000	600.000	-	-	
2.9	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 7, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 7, phường Sông Hiến	120m2	2023 - 2024				100.000	100.000		100.000	100.000			
2.10	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 17, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 17, phường Sông Hiến	120m2	2023 - 2024				100.000	100.000		100.000	100.000			
2.11	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 18, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 18, phường Sông Hiến	120m2	2023 - 2024				100.000	100.000		100.000	100.000			
2.12	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 7, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 7, phường Sông Bằng	110m2	2023 - 2024				100.000	100.000		100.000	100.000			
2.13	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 8, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 8, phường Hoà Chung	120m2	2023 - 2024				100.000	100.000		100.000	100.000			
2.14	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 7, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 7, phường Ngọc Xuân	125m2	2023 - 2024				100.000	100.000		100.000	100.000			
*	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá diện tích dưới 100m2					-	-	225.000	225.000	-	225.000	225.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
2.15	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 2, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 2, phường Sông Hiến	66m2	2023 - 2024			75.000	75.000		75.000	75.000				
2.16	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 4, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 4, phường Đề Thám	90m2	2023 - 2024			75.000	75.000		75.000	75.000				
2.17	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hoá tổ 5, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 5, phường Đề Thám	95m2	2023 - 2024			75.000	75.000		75.000	75.000				
3	Cải tạo, sửa chữa mở rộng thêm diện tích sử dụng					-	-	3,525.000	3,525.000	-	3,525.000	3,525.000	-	-	
*	Cải tạo, sửa chữa mở rộng diện tích từ 140m2 trở lên (125 triệu + diện tích mở rộng * 1,8 triệu đồng)					-	-	1,765.000	1,765.000	-	1,765.000	1,765.000	-	-	
3.1	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 1, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 01, phường Tân Giang	140 + 40 = 180m2	2023 - 2024			197.000	197.000		197.000	197.000				
3.2	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 1, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 01, phường Sông Bằng	144+ 65 = 236m2	2023 - 2024			242.000	242.000		242.000	242.000				
3.3	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 3, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 3, phường Sông Bằng	140 + 40 = 180m2	2023 - 2024			197.000	197.000		197.000	197.000				
3.4	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 3, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 3, phường Đề Thám	140 + 64 = 204m2	2023 - 2024			240.000	240.000		240.000	240.000				
3.5	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 10, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 10, phường Đề Thám	140 + 65 = 170m2	2023 - 2024			242.000	242.000		242.000	242.000				
3.6	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 8, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 8, phường Sông Hiến	217 + 40 = 257m2	2023 - 2024			197.000	197.000		197.000	197.000				
3.7	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 1, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 1, phường Ngọc Xuân	179 + 50 = 229m2	2023 - 2024			214.000	214.000		214.000	214.000				
3.8	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 6, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 6, phường Ngọc Xuân	200 + 62 = 262m2	2023 - 2024			236.000	236.000		236.000	236.000				
*	Cải tạo, sửa chữa mở rộng diện tích từ 100m2 đến 139m2 (100 triệu đồng + diện tích mở rộng * 1,8 triệu đồng)					-	-	1,085.000	1,085.000	-	1,085.000	1,085.000	-	-	
3.9	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 20, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 20, phường Sông Hiến	120 + 50 = 170m2	2023 - 2024			190.000	190.000		190.000	190.000				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
3.10	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 8, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 8, phường Đề Thám	132 + 60 = 192m2	2023 - 2024			208.000	208.000		208.000	208.000				
3.11	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 9, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 9, phường Ngọc Xuân	120 + 20 = 140m2	2023 - 2024			136.000	136.000		136.000	136.000				
3.12	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 5, phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 5, phường Hoà Chung	107 + 38 = 145m2	2023 - 2024			168.000	168.000		168.000	168.000				
3.13	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 2, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 2, phường Sông Bằng	124 + 67 = 191m2	2023 - 2024			220.000	220.000		220.000	220.000				
3.14	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 2, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 2, phường Tân Giang	126 + 35 = 161m2	2023 - 2024			163.000	163.000		163.000	163.000				
*	Cải tạo, sửa chữa mở rộng diện tích dưới 100m2 (75 triệu đồng + diện tích mở rộng * 1,8 triệu đồng)					-	-	675.000	675.000	-	675.000	675.000	-	-	
3.15	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 3, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 3, phường Tân Giang	70+ 61 = 131m2	2023 - 2024			185.000	185.000		185.000	185.000				
3.16	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 14, phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 14, phường Tân Giang	90 + 40 = 130m2	2023 - 2024			147.000	147.000		147.000	147.000				
3.17	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 11, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 11, phường Đề Thám	83 + 57 = 140m2	2023 - 2024			178.000	178.000		178.000	178.000				
3.18	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá tổ 8, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Tổ 8, phường Ngọc Xuân	93 + 50 = 143m3	2023 - 2024			165.000	165.000		165.000	165.000				
B	Ngân sách trung ương					18,876.542	-	16,143.000	-	3,998.000	10,323.000	10,323.000	-	-	
B1	Chương trình MTQG phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					11,598.700	-	9,623.000	-	1,978.000	7,003.000	7,003.000	-	-	
I	Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ỏ, đất sản xuất					4,800.000	-	4,500.000	-	1,978.000	2,151.000	2,151.000	-	-	
*	Dự án chuyển tiếp					4,800.000	-	4,500.000	-	1,978.000	2,151.000	2,151.000	-	-	
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại cụm dân cư Bản Nừn (xóm 4) xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Chu Trinh		2022 - 2024	2273/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	1,800.000		1,500.000		978.000	522.000	522.000			
2	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại cụm dân cư Nà Dĩa (xóm 4) xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Chu Trinh		2022 - 2024	2303/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	1,500.000		1,500.000		500.000	629.000	629.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung dân cư Tổ 5, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	P. Duyệt Trung		2022 - 2024	2196/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	1,500.000		1,500.000		500.000	1,000.000	1,000.000			
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc					5,198.700	-	4,000.000	-	-	4,000.000	4,000.000	-	-	
*	Dự án khởi công mới năm 2023					5,198.700	-	4,000.000	-	-	4,000.000	4,000.000	-	-	
1	Trạm y tế xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vĩnh Quang				5,198.700		4,000.000			4,000.000	4,000.000			Bổ trí đủ phần NSTW
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					1,600.000	-	1,123.000	-	-	852.000	852.000	-	-	
*	Dự án khởi công mới năm 2023					1,600.000	-	1,123.000	-	-	852.000	852.000	-	-	
1	Cải tạo sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa xóm 8, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vĩnh Quang				400.000		223.000			223.000	223.000			
2	Cải tạo sửa chữa, mở rộng nhà văn hoá xóm Nam Phong 3, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Hưng Đạo				400.000		300.000			300.000	300.000			
3	Cải tạo sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa xóm Nam Phong 1, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Hưng Đạo				400.000		300.000			300.000	300.000			
4	Cải tạo sửa chữa, mở rộng nhà văn hóa Xóm Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Hưng Đạo				400.000		300.000			29.000	29.000			
B2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					7,277.842	-	6,520.000	-	2,020.000	3,320.000	3,320.000	-	-	
I	XÃ CHU TRINH					1,742.105	-	1,450.000	-	350.000	620.000	620.000	-	-	
*	Công trình chuyển tiếp					900.000	-	650.000	-	350.000	300.000	300.000	-	-	
1	Xây dựng đập giữ nước Kéo Tang xóm 5, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Chu Trinh		2022 - 2023	2274/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	900.000		650.000		350.000	300.000	300.000			
*	Công trình khởi công mới					842.105	-	800.000	-	-	320.000	320.000	-	-	
1	Xây dựng công trình Hồ chứa nước thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Chu Trinh		2023 - 2024		242.105		230.000			230.000	230.000			
2	Xây dựng, sửa chữa, cải tạo đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng	Xã Chu Trinh		2023 - 2024		600.000		570.000			90.000	90.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn GD 2021-2025		Đã bố trí vốn đến hết năm 2022	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác			
						Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP					Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
II	XÃ VINH QUANG					2,567.316	-	2,250.000	-	550.000	1,700.000	1,700.000	-	-	
*	Công trình chuyển tiếp					2,041.000	-	1,750.000	-	550.000	1,200.000	1,200.000	-	-	
1	Công trình Phai, nương Phia Gèng xóm 7 - xã Vinh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vinh Quang		2022 - 2023	2300/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	900.000		850.000		250.000	600.000	600.000			
2	Xây dựng nhà văn hóa xóm 2, sân thể thao xã Vinh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vinh Quang		2022 - 2023	2259/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	1,141.000		900.000		300.000	600.000	600.000			
*	Công trình khởi công mới					526.316	-	500.000	-	-	500.000	500.000	-	-	
1	Kênh kết hợp tưới và tiêu Nà Rá (xóm 4), xã Vinh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vinh Quang				421.053		400.000			400.000	400.000			
2	Mương Nà Quân - xóm 5, xã Vinh Quang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Vinh Quang				105.263		100.000			100.000	100.000			
III	XÃ HƯNG ĐẠO					2,968.421	-	2,820.000	-	1,120.000	1,000.000	1,000.000	-	-	
*	Công trình chuyển tiếp					1,915.789	-	1,820.000	-	1,120.000	700.000	700.000	-	-	
1	Xây dựng nương thủy lợi nội đồng Nà Gùm, xóm Ngọc Quyển, xã Hưng Đạo, TPCB, tỉnh Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2022 - 2023	2090/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	757.895		720.000		520.000	200.000	200.000			
2	Xây dựng đường nội đồng Nà Gùm xóm Ngọc Quyển, xã Hưng Đạo, TPCB, tỉnh Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2022 - 2023	2275/QĐ-UBND ngày 20/9/2022	1,157.895		1,100.000		600.000	500.000	500.000			
*	Công trình khởi công mới					1,052.632	-	1,000.000	-	-	300.000	300.000	-	-	
1	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2023 - 2024		1,052.632		1,000.000			300.000	300.000			
C	Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					5,148.799	-	5,148.799	5,148.799	288.900	4,048.799	4,048.799	-	-	Vốn từ nguồn thu hợp pháp
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					4,500.000	-	4,500.000	4,500.000	188.900	3,500.000	3,500.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp														
1.1	Xây mới khu nhà 04 lớp học trường Mầm non Nam Phong thành phố Cao Bằng	Xã Hưng Đạo		2022 -	1923/QĐ-UBND ngày 04/8/2022	4,500.000		4,500.000	4,500.000	188.900	3,500.000	3,500.000			
2	Các hoạt động kinh tế					648.799	-	648.799	648.799	100.000	548.799	548.799	-	-	
	Dự án chuyển tiếp														
2.1	Sửa chữa chợ Sông Bằng, thành phố Cao Bằng. Hạng mục: Mái công, đường vào + lan can bậc tam cấp.	Phường Hợp Giang		2022 - 2023	2151/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	648.799		648.799	648.799	100.000	548.799	548.799			Bổ trí đủ vốn